

Số: 2021/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2022
của UBND huyện Sơn Hà**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà tại Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 12/11/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2835/SNV-TCBC ngày 10/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tinh giản biên chế năm 2022 của UBND huyện Sơn Hà.

Điều 2. UBND huyện Sơn Hà chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả và tập hợp hồ sơ, lập danh sách dự toán kinh phí chi trả cho đối tượng được tinh giản biên chế, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kinh phí chi trả cho các đối tượng theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- VPUB: CBTH;
- Lưu: VT, NCvi1000.

CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh



ĐỀ ÁN

Thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2022
của UBND huyện Sơn Hà
(*Bản hành kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021*
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I

**ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU
VÀ NGUYÊN TẮC TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

UBND huyện Sơn Hà là cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, có trách nhiệm quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện; chịu sự chỉ đạo, giám sát của Huyện ủy Sơn Hà, Hội đồng nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tổ chức bộ máy của UBND huyện Sơn Hà có 10 cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và các đơn vị sự nghiệp thuộc 04 lĩnh vực; 14 đơn vị hành chính cấp xã.

Tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện gồm:

1. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện

Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

2. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp

a) Khối hành chính gồm 10 cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ:

- Phòng Tư pháp;
- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Dân tộc;
- Phòng Y tế;

- Phòng Văn hóa và Thông tin;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch.

b) Các tổ chức sự nghiệp:

- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp;
- Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao;
- Ban QL dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất.

c) Sự nghiệp giáo dục và đào tạo huyện:

- Mầm non và Mẫu giáo: 16 trường;
- Tiểu học: 10 trường;
- Tiểu học và Trung học cơ sở: 07 trường;
- Trung học cơ sở: 08 trường.
- Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở huyện: 01 trường

3. Đơn vị hành chính cấp xã:

- Xã Sơn Hạ; - Xã Sơn Trung;
- Xã Sơn Thành; - Xã Sơn Bao;
- Xã Sơn Nham; - Xã Sơn Hải;
- Xã Sơn Cao; - Xã Sơn Thủy;
- Xã Sơn Linh; - Xã Sơn Kỳ;
- Xã Sơn Giang; - Xã Sơn Ba;
- Xã Sơn Thượng; - Thị trấn Di Lăng.

**II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TINH GIẢN
BIÊN CHẾ**

1. Mục đích và yêu cầu

a) Nhằm xây dựng đội ngũ công chức, người làm việc đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và cơ cấu hợp lý, có đủ phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; góp phần xây dựng một nền hành chính thống nhất, trong sạch, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phấn đấu đạt mục tiêu chung là xây dựng nên công vụ “Chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả”.

b) Thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đánh giá, phân loại công chức, viên chức gắn với việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu số lượng người làm việc theo chức danh nghề nghiệp trong cơ quan, đơn vị.

2. Nguyên tắc tinh giản biên chế

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện;

b) Đảm bảo tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật; thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật;

c) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan mình quản lý theo thẩm quyền.

Phần II

CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;

- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

- Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch tinh giản biên chế khối Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2021;

- Công văn số 4126/BNV-TCBC ngày 24/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định độ tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ.

Phần III

TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ

I. THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ, TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Về thực trạng biên chế

a) Biên chế hành chính:

Tổng số biên chế hành chính được giao là 50 biên chế. Biên chế đã thực hiện đến 15/10/2021 là: 46 biên chế. Trong đó cán bộ lãnh đạo Thường trực HĐND và UBND huyện: 06 biên chế; công chức các phòng ban là 40 biên chế, cụ thể:

- Thường trực HĐND huyện:	03 biên chế
- Lãnh đạo UBND huyện:	03 biên chế
- Phòng Tài chính - Kế hoạch:	06 biên chế;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo:	06 biên chế;
- Phòng Văn hóa và Thông tin:	02 biên chế;

- Phòng Y tế : 02 biên chế;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 04 biên chế;
- Phòng Tư pháp: 02 biên chế;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng : 04 biên chế;
- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội: 06 biên chế ;
- Phòng Dân tộc: 03 biên chế ;
- Phòng Nông nghiệp : 05 biên chế ;

b) *Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp (biên chế sự nghiệp)*: Được giao 1.164 biên chế, đến nay đã thực hiện 1.029 biên chế, cụ thể:

* *Sự nghiệp văn hóa gồm*: 10 biên chế của Trung tâm truyền thông văn hóa thể thao.

* *Sự nghiệp khác*: 14 biên chế, trong đó:

- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp 14 biên chế

* *Sự nghiệp Giáo dục gồm*: 1.005 biên chế, trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục mầm non: 236 biên chế;
- Sự nghiệp giáo dục tiểu học: 459 biên chế;
- Sự nghiệp giáo dục trung học cơ sở: 310 biên chế ;

c) *Biên chế cán bộ, công chức xã, thị trấn*:

Biên chế được giao 300, đã thực hiện: 285 biên chế, trong đó:

- Cán bộ: 138 biên chế;
- Công chức: 147 biên chế;

2. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

- Thạc sĩ: 08 người, tỷ lệ 17,39%;
- Đại học: 38 người, tỷ lệ 82,61%;

b) *Khối sự nghiệp*: 1.029 người, trong đó:

- Thạc sĩ: 02 người, tỷ lệ 0,19%;

- Đại học: 597 người, tỷ lệ 58,01%;
- Cao đẳng: 278 người, tỷ lệ 27,01%;
- Trung cấp: 152 người, tỷ lệ 14,77%;
- c) Khối xã, thị trấn: 286 người, trong đó:**
 - Thạc sĩ: 05 người, tỷ lệ 1,74%;
 - Đại học: 213 người, tỷ lệ 74,47%;
 - Cao đẳng: 09 người, tỷ lệ 3,14%;
 - Trung cấp: 57 người, tỷ lệ 19,93%;
 - Chưa qua đào tạo: 02 người, tỷ lệ 0,69%.

II. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Những người thuộc diện dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn nghiệp vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, không còn phù hợp với vị trí việc làm mới.

2. Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác.

3. Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

4. Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

5. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

6. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

III. KẾ HOẠCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ

Căn cứ vào thực trạng và rà soát về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của UBND huyện Sơn Hà, xác định kế hoạch thực hiện việc tinh giản biên chế như sau:

Trong năm 2022, có 06 viên chức (số lượng người làm việc) và 01 cán bộ xã thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/NĐ/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ),

(Có Danh sách kèm theo).

IV. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ ĐÃ THỰC HIỆN TINH GIẢN

UBND huyện Sơn Hà được sử dụng tối đa 50% số biên chế đã thực hiện tinh giản theo Đề án này để tuyển dụng, tiếp nhận mới công chức, số lượng người làm việc theo quy định.

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả; tiến hành lập hồ sơ, danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cụ thể cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định, gửi Sở Nội vụ thẩm định đối tượng và Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt, chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

2. Định kỳ vào ngày 15/12 hàng năm, UBND huyện Sơn Hà chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế của địa phương, báo cáo UBND tỉnh *(qua Sở Nội vụ)*./.



DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2022 CỦA UBND HUYỆN SƠN HÀ

(Kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế	Lý do tính giản biên chế
		1			2			
					3			
					4			
					5			
					6			
					7			
					8			
*	NGHI HƯU TRƯỚC TUỔI							
	<i>Trường Tiểu học Sơn Hạ số 1</i>							
1	Hồ Thị Thu	02/6/1968	Cao đẳng sư phạm Tiểu học	Giáo viên	33 năm 10 tháng	53 tuổi 6 tháng	01/01/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>Trường Tiểu học Sơn Cao</i>							
2	Đình Ráo	12/6/1965	Trung cấp sư phạm tiểu học	Giáo viên	24 năm 11 tháng	56 tuổi 6 tháng	01/01/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>Trường THCS Sơn Thượng</i>							
3	Đoàn Quang Thắng	08/5/1966	Đại học sư phạm	Giáo viên	20 năm 9 tháng	56 tuổi	01/6/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	<i>Trường TH Sơn Thượng</i>							

	1	2	3	4	5	6	7	8
4	Nguyễn Thị Sản	20/12/1968	Cao đẳng sư phạm Tiểu học	Giáo viên	25 năm	53 tuổi	01/01/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
5	Đinh Thị Nga	28/9/1971	Trung học Sư phạm Tiểu học	Giáo viên	25 năm 5 tháng	50 tuổi 8 tháng	01/6/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
6	Đặng Hữu Phước	19/9/1966	Trung học Sư phạm Tiểu học	Giáo viên	25 năm 03 tháng	55 tuổi 6 tháng	01/4/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

(Danh sách này có 06 người)✓.